TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhật Chiến

Bà Đặng Thị Lan Anh

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Duy Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn,tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022, về việc:*"Ly hôn"*,theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ma Tuấn D, sinh năm 1984. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Sau số A, đường B, tổ C, khối D, phường E, thành phố F, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1985, địa chỉ: Ngõ G, đường H, khối I, phường K, thành phố F, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Ma Tuấn D trình bày:

Anh Ma Tuấn D và chị Hoàng Thị T kết hôn ngày 06/9/2007, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường E, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, hai bên đã có thời gian tìm hiểu nhau, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau một đứa con, đến năm 2010 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm,

nguyên nhân do chị Hoàng Thị T thường xuyên không ở nhà quan tâm chăm sóc gia đình. Tháng 06 năm 2011, chị Hoàng Thị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay, sau khi chị Hoàng Thị T đi anh Ma Tuấn D là người trực tiếp chăm sóc con, anh và chị Hoàng Thị T không còn ai quan tâm đến ai. Anh Ma Tuấn D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị T.

Về con chung: Anh Ma Tuấn D và chị Hoàng Thị T có một con chung là cháu Ma Đức T sinh ngày 09/3/2009, năm 2020 cháu đã chết do bị bệnh teo cơ. Do đó, anh không đề nghị Tòa án giải quyết con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hoàng Thị T được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn đã tiến hàng tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị S, là mẹ đẻ của chị Hoàng Thị T, bà Nguyễn Thị S trình bày: Hiện nay chị Hoàng Thị T đi làm xa ít khi về nhà nhưng vẫn liên lạc thường xuyên với bà, thỉnh thoảng chị Hoàng Thị T về thăm nhà rồi lại đi. Về quan hệ hôn nhân, anh Ma Tuấn D và chị Hoàng Thị T đã có mâu thuẫn từ lâu, chị Hoàng Thị T cũng nhất trí ly hôn, bản thân chị T đã từng xin ly hôn với anh Ma Tuấn D, nhưng kết quả như nào bà không biết. Về việc giao các văn bản tố tụng, khi nhận thay văn bản tố tụng, bà Nguyễn Thị S vẫn thông báo cho chị Nguyễn Thị T biết và cam kết khi chị T về nhà sẽ giao tận tay cho chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh Ma Tuấn D và chị Hoàng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân là hợp pháp. Nay anh Ma Tuấn D xác định không còn tình cảm và xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Anh Ma Tuấn D và chị Hoàng Thị T có một con chung nhưng đã chết, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55củaLuật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử về hôn nhân cho anh Ma Tuấn D được ly hôn với chị Hoàng Thị T. Về con chung, không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Anh Ma Tuấn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn chị Hoàng Thị T, tuy nhiên Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụngvà phiên tòa xét xử đã mở lần thứ hai. Vì vậy, Tòa án tiến hành tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt của bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Tuấn D và chị Hoàng Thị T tự nguyện kết hôn,theo Trích lục kết hôn số 86/TLKH-BS ngày 23/02/2022 của Ủy ban nhân dân phường E, thành phố Lạng Sơn, ngày 06/9/2007 anh Ma Tuấn D và chị Hoàng Thị T đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường E, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn,nên quan hệ hôn nhân giữa anh Ma Tuấn D và chị Hoàng Thị T là hợp pháp. Tuy nhiên, từ năm 2011 đến nay quá trình chung sốngvợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng đã ly thân nhiều năm, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn.Chị Hoàng Thị T tuy không có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng qua lời khai của mẹ đẻ chị Hoàng Thị T, bà Nguyễn Thị S đã trình bày trước đây hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị Hoàng Thị T cũng đã từng làm đơn ly hôn với anh Ma Tuấn D, qua xác minh xét thấy lời khai của đương sự và bà Nguyễn Thị S phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Ma Tuấn D và chị Hoàng Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, anh Ma Tuấn D yêu cầu được ly hôn chị Hoàng Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đìnhnên Hội đồng xét xửchấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Ma Tuấn D và chị Hoàng Thị T có 01 con chung là Ma Đức Tuấn sinh ngày 09/3/2009, đã chết năm 2020 vì bệnh teo cơ, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các nhận định nêu trên và có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí, anh Ma Tuấn D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước, nhưng anh Ma Tuấn D được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, nên xác nhận anh Ma Tuấn D đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ma Tuấn D.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Tuấn D được ly hôn với chị Hoàng Thị T.

- Về con chung:Anh Ma Tuấn D và chị Hoàng Thị T có một con chung là Ma Đức T, đã chết năm 2020, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Anh Ma Tuấn D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng anh Ma Tuấn D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0000823 ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận anh Ma Tuấn D đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- UBND phường E, TP. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Chu Thị Phương Thảo